

Bản án số: 42/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2018
V/v: " Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với tHnh phần hội đồng xét xử gồm:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Chí Linh.**

* Các vị hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Quốc Tiến

2/ Bà Chung Kim Sang

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Ưng** - Thư ký Toà án.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Rạch Giá đã tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 319/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 165/15/31 Quang Trung, phường Vĩnh Quang, TP Rạch Giá, Kiên Giang.

* **Bị đơn:** Ông **Vũ Đình T**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 388/10/15 Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Quang, tHnh phố Rạch Giá, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:** Trước đây bà H và ông T tự quen nhau khoảng một năm sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân tỉnh H Tĩnh vào ngày 20/10/2000.

Lý do bà H xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, bỏ mặc bà H tự lo lắng mọi việc trong gia đình, bà H và gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Do đời sống chung không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hai bên đã tự ly

thân từ tháng 08/2013 cho đến nay. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Vũ Thị Thùy Dương, sinh ngày 17/02/2002 và Vũ T Sơn, sinh ngày 30/7/2009, hiện đang sống với và mẹ. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà kiên quyết xin được ly hôn với ông T, mong Hội đồng xét xử chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Vũ Đình T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng tuy nhiên bị đơn ông Vũ Đình T không đến Tòa án và cũng không có văn bản phản hồi. Do đó, căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Bà Nguyễn Thị H tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, H Tĩnh vào ngày 20/10/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp nhau, ông T không quan tâm, chăm sóc vợ con, do đó tình cảm ngày càng xa cách. Hai bên đã tự Hn gán nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 8/2013 cho đến nay. Nay bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

[3] Xét thấy việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay bà H kiên quyết không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T, đồng thời hai

bên cũng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay và hiện tại bà H và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2013 cho đến nay. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T.

[4] Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Vũ Thị Thùy Dương, sinh năm 2002; Vũ T Sơn, sinh năm 2009. Bà H yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Yêu cầu này là phù hợp với nguyện vọng của cháu Sơn và cháu Dương nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H xác nhận không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009536 ngày 06 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng: Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với Vũ Đình T
- Về con chung: giao cháu Vũ Thị Thùy Dương, sinh năm 2002; Vũ T Sơn, sinh năm 2009 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vũ Đình T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về nợ chung: bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về án phí HNGĐ:** Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009536 ngày 06 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi Hành án dân sự Tp. Rạch Giá.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS
- Phòng GDKT
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu vph

BÙI CHÍ LINH

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nghị án kết thúc hồi 10 giờ 30 ngày 7 tháng 3 năm 2018. Các thành viên Hội đồng xét xử đã nghe đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tiến

Chung Kim Sang

Bùi Chí Linh

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tiến

Chung Kim Sang

Bùi Chí Linh

